**QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

**I. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

**1.** **Nguyên tắc hoạt động trợ giúp pháp lý**

Điều 3 Luật Trợ giúp pháp lý quy định như sau:

- Tuân thủ pháp luật và quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý.

- Kịp thời, độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan.

- Bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý.

- Không thu tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác từ người được trợ giúp pháp lý.

Như vậy, có thể thấy được trong các hoạt động trợ giúp pháp lý luôn đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý. Vụ việc trợ giúp pháp lý phải được hỗ trợ kịp thời, các quan điểm, ý kiến của người thực hiện trợ giúp pháp lý đảm bảo tính độc lập, không phụ thuộc vào người khác và phù hợp với tài liệu, chứng cứ, sự thật khách quan của vụ việc.

Nhiệm vụ của người thực hiện trợ giúp pháp lý luôn đặt quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý lên hàng đầu. Tìm các biện pháp phù hợp với pháp luật để bảo vệ cho người được trợ giúp pháp lý, đảm bảo tính công bằng, chính xác trong thực thi pháp luật.

Xác định hoạt động trợ giúp pháp lý là trách nhiệm của nhà nước, nhà nước đảm bảo các nguồn lực cho hoạt động, bởi vậy tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý không được phép thu tiền, lợi ích vật chất như cho, biếu, tặng quà hoặc các lợi ích khác như nâng đỡ trong công việc, tình cảm ...

**2. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động trợ giúp pháp lý**

Điều 6 Luật Trợ giúp pháp lý quy định như sau:

*a) Nghiêm cấm tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý có hành vi sau đây:*

- Xâm phạm danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý; phân biệt đối xử người được trợ giúp pháp lý.

- Nhận, đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác từ người được trợ giúp pháp lý; sách nhiễu người được trợ giúp pháp lý.

- Tiết lộ thông tin về vụ việc trợ giúp pháp lý, về người được trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp người được trợ giúp pháp lý đồng ý bằng văn bản hoặc luật có quy định khác.

- Từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp quy định tại Luật này và quy định của pháp luật về tố tụng;

- Lợi dụng hoạt động trợ giúp pháp lý để trục lợi, xâm phạm quốc phòng, an ninh quốc gia, gây mất trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đạo đức xã hội.

- Xúi giục, kích động người được trợ giúp pháp lý cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện trái pháp luật.

*b) Nghiêm cấm người được trợ giúp pháp lý, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý có hành vi sau đây:*

- Xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm của người thực hiện trợ giúp pháp lý và uy tín của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

- Cố tình cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về vụ việc trợ giúp pháp lý.

- Đe dọa, cản trở, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động trợ giúp pháp lý; gây rối, làm mất trật tự, vi phạm nghiêm trọng nội quy nơi thực hiện trợ giúp pháp lý.

Như vậy, các hành vi nghiêm cấm không chỉ áp dụng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý mà còn áp dụng đối với người được trợ giúp pháp lý. Pháp luật hiện hành cũng có những quy định về chế tài xử lý khi vi phạm các hành vi nghiêm cấm trong hoạt động trợ giúp pháp lý, tùy mức độ vi phạm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính, bồi thường thiệt hại hoặc xử lý trách nhiệm hình sự.

**3. Người được trợ giúp pháp lý**

Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý quy định như sau:

1. Người có công với cách mạng.

2. Người thuộc hộ nghèo.

3. Trẻ em.

4. Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

6. Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo.

7. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây có khó khăn về tài chính:

a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ;

b) Người nhiễm chất độc da cam;

c) Người cao tuổi;

d) Người khuyết tật;

đ) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự;

e) Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình;

g) Nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người;

h) Người nhiễm HIV.

Để rõ hơn về điều kiện của người được trợ giúp pháp lý có khó khăn về tài chính, Điều 2 Nghị định 144/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/12/2017 quy định điều kiện khó khăn về tài chính của người được trợ giúp pháp lý là người thuộc hộ cận nghèo hoặc là người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Pháp luật quy định các đối tượng trợ giúp pháp lý cho thấy rõ nét chính sách nhân văn của Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến các đối tượng chính sách và yếu thế trong xã hội. Qua đó góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

**4. Quyền, nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý**

Điều 8 Luật Trợ giúp pháp lý quy định như sau:

- Được trợ giúp pháp lý mà không phải trả tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác.

- Tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu trợ giúp pháp lý.

- Được thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý, trình tự, thủ tục trợ giúp pháp lý khi đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và các cơ quan nhà nước có liên quan.

- Yêu cầu giữ bí mật về nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý.

- Lựa chọn một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương trong danh sách được công bố; yêu cầu thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý khi người đó thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 của Luật này.

- Thay đổi, rút yêu cầu trợ giúp pháp lý.

- Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Khiếu nại, tố cáo về trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Bên cạnh các quyền được hưởng, để đảm bảo hoạt động trợ giúp pháp lý có hiệu quả, người được trợ giúp pháp lý có nghĩa vụ:

- Cung cấp giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý.

- Hợp tác, cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, tài liệu, chứng cứ đó.

- Tôn trọng tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý.

- Không yêu cầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác trợ giúp pháp lý cho mình về cùng một vụ việc đang được một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thụ lý, giải quyết.

- Chấp hành pháp luật về trợ giúp pháp lý và nội quy nơi thực hiện trợ giúp pháp lý.

**5. Người thực hiện trợ giúp pháp lý và tiêu chuẩn trợ giúp viên pháp lý**

Điều 17, Điều 19 Luật Trợ giúp pháp lý quy định như sau:

- Trợ giúp viên pháp lý:

Trợ giúp viên pháp lý phải là công dân Việt Nam là viên chức của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có đủ tiêu chuẩn sau đây có thể trở thành trợ giúp viên pháp lý: Có phẩm chất đạo đức tốt; Có trình độ cử nhân luật trở lên; đã được đào tạo nghề luật sư hoặc được miễn đào tạo nghề luật sư; đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư hoặc tập sự trợ giúp pháp lý; có sức khỏe bảo đảm thực hiện trợ giúp pháp lý; Không đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật.

Quy định tiêu chuẩn của trợ giúp viên hiện nay đã đảm bảo được các điều kiện cần thiết để đáp ứng được chất lượng khi thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý.

- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo phân công của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý;

Theo quy định này thì những luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý sẽ thực hiện các vụ việc trợ giúp pháp lý theo sự phân công của lãnh đạo Trung tâm Trợ giúp pháp lý còn các luật sư trong tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý sẽ do tổ chức đó phân công.

- Tư vấn viên pháp luật có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên làm việc tại tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý;

- Cộng tác viên trợ giúp pháp lý.

Đối với tư vấn viên pháp luật và cộng tác viên trợ giúp pháp lý không được tham gia bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

Với những người thực hiện trợ giúp pháp lý có trình độ, kinh nghiệm như vậy vừa thể hiện xu hướng đa dạng hóa của chủ thể cung cấp dịch vụ pháp lý, vừa đảm bảo nâng cao chất lượng trợ giúp pháp lý góp phần nâng cao vị trí, vai trò của công tác trợ giúp pháp lý trong xã hội.

**6. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý**

Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý quy định như sau:

Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý bao gồm Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý.

- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở và tài khoản riêng. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có thể có Chi nhánh.

- Tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý bao gồm tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý và tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý, trong đó tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý bao gồm tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký kết hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp, tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý bao gồm tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này.

**7. Phạm vi, lĩnh vực, hình thức trợ giúp pháp lý**

Điều 26, Điều 27 Luật Trợ giúp pháp lý quy định như sau:

Để hoạt động trợ giúp pháp lý đi vào trọng tâm, trọng điểm, kịp thời, đúng vụ việc, đúng đối tượng, tránh việc trồng chéo về thẩm quyền, đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người được trợ giúp pháp lý, đảm bảo sử dụng các nguồn lực có hiệu quả. Luật Trợ giúp pháp lý xác định phạm vi trợ giúp pháp lý, cụ thể:

- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc một trong các trường hợp sau đây: Người được trợ giúp pháp lý đang cư trú tại địa phương; vụ việc trợ giúp pháp lý xảy ra tại địa phương; vụ việc trợ giúp pháp lý do cơ quan có thẩm quyền về trợ giúp pháp lý ở Trung ương yêu cầu.

- Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý trong phạm vi hợp đồng.

- Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý trong phạm vi đăng ký.

- Trợ giúp pháp lý được thực hiện trong các lĩnh vực pháp luật, trừ lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

Như vậy, gần hết tất cả các lĩnh vực pháp luật đều được trợ giúp pháp lý miễn phí, riêng đối với hoạt động kinh doanh thương mại do xác định hoạt động trợ giúp pháp lý là một phần trong thực hiện chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước cho nên pháp luật không cho phép thực hiện trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực này.

Pháp luật cũng quy định yêu cầu trợ giúp pháp lý chỉ được thụ lý khi có vụ việc cụ thể liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý. Đối với các yêu cầu trợ giúp pháp lý không liên quan đến người được trợ giúp pháp lý, thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có quyền từ chối, không xem xét thụ lý giải quyết.

Luật Trợ giúp pháp lý 2017, quy định rõ hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý thực hiện trong với 03 hình thức đó là: Tham gia tố tụng; tư vấn pháp luật; đại diện ngoài tố tụng. So với Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 hiện nay đã bỏ đi các hình thức trợ giúp pháp lý như trợ giúp pháp lý lưu động, sinh hoạt câu lạc bộ.

Đối với hoạt động tham gia tố tụng Luật Trợ giúp pháp lý quy định trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này và pháp luật về tố tụng.

Từ năm 2015, với định hướng đổi mới của Bộ Tư pháp, hoạt động trợ giúp pháp lý được tập trung thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý, trong đó chú trọng các vụ việc tham gia tố tụng. Việc này đã đem lại nhiều hiệu quả trong xã hội, khẳng định được vị thế, vai trò của hoạt động trợ giúp pháp lý trong lòng người dân. Để tăng cường công tác phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, các ngành đã thảo luận, thống nhất ban hành Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29/6/2018 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài Chính, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đây là cơ sở pháp lý quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác trợ giúp pháp lý trong hoạt động tham tố tụng.

Song song với hoạt động tham gia tố tụng người thực hiện trợ giúp pháp lý còn tư vấn pháp luật cho người được trợ giúp pháp lý bằng việc hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến tranh chấp, khiếu nại, vướng mắc pháp luật; hướng dẫn giúp các bên hòa giải, thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc.

Hình thức trợ giúp pháp lý đại diện ngoài tố tụng là việc trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý đại diện ngoài tố tụng cho người được trợ giúp pháp lý trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**8. Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý**

Điều 29 Luật Trợ giúp pháp lý quy định như sau:

Khi yêu cầu trợ giúp pháp lý, người yêu cầu phải nộp hồ sơ cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, hồ sơ gồm có: Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý; giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý; các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý.

Việc nộp hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý được thực hiện như sau:

Trường hợp nộp trực tiếp tại trụ sở của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người yêu cầu trợ giúp pháp lý nộp các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này; xuất trình bản chính hoặc nộp bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý.

Trường hợp người yêu cầu trợ giúp pháp lý không thể tự mình viết đơn yêu cầu thì người tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm ghi các nội dung vào mẫu đơn để họ tự đọc hoặc đọc lại cho họ nghe và yêu cầu họ ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn;

Trường hợp gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, người yêu cầu trợ giúp pháp lý nộp các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này, **bản sao có chứng thực** giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý;

Trường hợp gửi hồ sơ qua fax, hình thức điện tử, khi gặp người thực hiện trợ giúp pháp lý, người yêu cầu trợ giúp pháp lý phải xuất trình bản chính hoặc nộp bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý.

Luật Trợ giúp pháp lý cho phép người được trợ giúp pháp lý có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính. Trong một số trường hợp có thể thông qua các tổ chức, cá nhân khác để nộp hồ sơ như trong trường hợp người khuyết tật, người mù chữ, trẻ em, người bị giam, giữ ... không thể tự mình yêu cầu trợ giúp pháp lý, nộp hồ sơ. Quy định này đảm bảo được mọi đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý có nhu cầu đều có thể tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí.

**9. Giấy tờ chứng minh người thuộc diện trợ giúp pháp lý**

Điều 33 Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định các giấy tờ chứng minh người thuộc diện trợ giúp pháp lý theo điểm b khoản 1 Điều 29 Luật Trợ giúp pháp lý như sau:

1. Giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng gồm một trong các giấy tờ sau:

a) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền công nhận là người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

b) Quyết định phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến;

c) Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến, Bằng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Bằng Anh hùng, Bằng Có công với nước;

d) Quyết định trợ cấp, phụ cấp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định là người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

đ) Quyết định hoặc giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, bệnh tật do nhiễm chất độc hóa học, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

e) Kỷ niệm chương Tổ quốc ghi công đối với người có công giúp đỡ cách mạng, Giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, Giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Chiến thắng”

2. Giấy tờ chứng minh người thuộc hộ nghèo là giấy chứng nhận hộ nghèo.

3. Giấy tờ chứng minh là trẻ em gồm một trong các giấy tờ sau:

a) Giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu;

b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là trẻ em;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc xử phạt vi phạm hành chính xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là trẻ em.

4. Giấy tờ chứng minh là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn gồm một trong các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định người có tên là người dân tộc thiểu số và nơi cư trú của người đó;

b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người dân tộc thiểu số và nơi cư trú của người đó.

5. Giấy tờ chứng minh người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

6. Giấy tờ chứng minh là người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo;

b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội.

7. Giấy tờ chứng minh là cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

b) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về trợ cấp ưu đãi, trợ cấp tiền tuất đối với cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ hoặc Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ, Bằng tổ quốc ghi công có tên liệt sỹ kèm theo giấy tờ chứng minh mối quan hệ thân nhân với liệt sỹ.

8. Giấy tờ chứng minh là người nhiễm chất độc da cam có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

b) Quyết định về việc trợ cấp ưu đãi đối với con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học hoặc Giấy chứng nhận bệnh tật, dị dạng, dị tật do nhiễm chất độc hóa học.

9. Giấy tờ chứng minh là người cao tuổi có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:

a) Quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

b) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định người có tên trong giấy là người cao tuổi.

10. Giấy tờ chứng minh là người khuyết tật có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo Giấy chứng nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 9 Điều này.

11. Giấy tờ chứng minh là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là bị hại và từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

12. Giấy tờ chứng minh là nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:

a) Quyết định tiếp nhận nạn nhân bạo lực gia đình vào nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

b) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo một trong các loại giấy tờ: Giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về việc khám và điều trị thương tích do hành vi bạo lực gia đình gây ra; Quyết định cấm người gây bạo lực gia đình tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình; Quyết định xử lý vi phạm hành chính với người có hành vi bạo lực gia đình.

13. Giấy tờ chứng minh là nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

b) Giấy tờ, tài liệu chứng nhận nạn nhân theo quy định tại Điều 28 Luật Phòng, chống mua bán người.

14. Giấy tờ chứng minh là người nhiễm HIV có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

b) Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp xác định là người nhiễm HIV.

15. Các loại giấy tờ hợp pháp khác do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định được người thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý.

Trong trường hợp những người thuộc diện được trợ giúp pháp lý bị thất lạc các giấy tờ nêu trên thì phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy tờ đó.

**10. Không tiếp tục thực hiện, từ chối thực hiện trợ giúp pháp lý, vụ việc trợ giúp pháp lý**

a) Các trường hợp không được tiếp tục thực hiện hoặc phải từ chối thực hiện trợ giúp pháp lý

Điều 25 Luật trợ giúp pháp lý quy định như sau:

Luật Trợ giúp pháp lý quy định người thực hiện trợ giúp pháp lý không được tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: Thực hiện hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật này, trừ trường hợp đã chấp hành xong hình thức xử lý vi phạm và được thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này; bị thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý, thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý, Chứng chỉ hành nghề luật sư, thẻ tư vấn viên pháp luật; các trường hợp không được tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng.

Ngoài ra người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: Đã hoặc đang thực hiện trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý là các bên có quyền lợi đối lập nhau trong cùng một vụ việc, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác đối với vụ việc tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng trong lĩnh vực dân sự; có căn cứ cho rằng người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể không khách quan trong thực hiện trợ giúp pháp lý; có lý do cho thấy không thể thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý một cách hiệu quả, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý.

Trong trường hợp không tiếp tục thực hiện hoặt từ chối thực hiện thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người được trợ giúp pháp lý và cử người khác thực hiện trợ giúp pháp lý trong một số trường hợp luật định.

b) Không tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý

Điều 37 Luật Trợ giúp pháp lý quy định như sau:

Vụ việc trợ giúp pháp lý không được tiếp tục thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Trường hợp phải từ chối theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Luật này;

- Người được trợ giúp pháp lý thực hiện một trong các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật này;

- Người được trợ giúp pháp lý rút yêu cầu trợ giúp pháp lý.

- Trường hợp không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người được trợ giúp pháp lý.

- Trường hợp vụ việc trợ giúp pháp lý đang được thực hiện mà người được trợ giúp pháp lý không còn đáp ứng quy định tại Điều 7 của Luật này thì vụ việc được tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc. Như trong trường hợp người phạm tội từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, trong quá trình điều tra người trợ giúp pháp lý chưa đủ 18 tuổi và có yêu cầu trợ giúp pháp lý, nhưng khi đưa vụ án ra xét xử đã đủ 18 tuổi thì vẫn được trợ giúp pháp lý cho đến khi kết thúc vụ án.

**11. Hình thức trợ giúp pháp lý**

Điều 27 Luật Trợ giúp pháp lý quy định các hình thức trợ giúp pháp lý bao gồm: Tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật và đại diện ngoài tố tụng.

a) Hình thức tham gia tố tụng

Điều 31 Luật trợ giúp pháp lý quy định:

Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý và pháp luật về tố tụng.

Khi người được trợ giúp pháp lý yêu cầu cử người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ việc, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý;

Trường hợp người được trợ giúp pháp lý là người bị bắt, người bị tạm giữ yêu cầu cử người thực hiện trợ giúp pháp lý, trong thời hạn 12 giờ kể từ thời điểm thụ lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý.

Đối với cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

- Trong thời hạn 12 giờ kể từ thời điểm nhận được yêu cầu trợ giúp pháp lý của người bị bắt, người bị tạm giữ hoặc trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được yêu cầu trợ giúp pháp lý của bị can, bị cáo, người bị hại là người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về tố tụng, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tại địa phương. Ngay sau khi nhận được thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có trách nhiệm thụ lý theo quy định tại khoản 4 Điều 30 của Luật Trợ giúp pháp lý và cử người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng.

- Trường hợp người yêu cầu chưa thể cung cấp đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật Trợ giúp pháp lý nhưng thuộc trường hợp thụ lý ngay thì người tiếp nhận yêu cầu báo cáo người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và thụ lý ngay, đồng thời hướng dẫn người yêu cầu trợ giúp pháp lý bổ sung các giấy tờ, tài liệu cần thiết.

- Các trường hợp thụ lý ngay theo quy định tại khoản 4 Điều 30 của Luật Trợ giúp pháp lý được hướng dẫn tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý, theo đó bao gồm các trường hợp:

+ Thời hiệu khởi kiện của vụ việc còn dưới 05 ngày làm việc;

+ Ngày xét xử theo quyết định đưa vụ án ra xét xử còn dưới 05 ngày làm việc;

+ Các trường hợp chỉ định người bào chữa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và các trường hợp yêu cầu trợ giúp pháp lý của người bị bắt, người bị tạm giữ hoặc bị can, bị cáo, người bị hại là người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về tố tụng mà cơ quan tiến hành tố tụng thông báo cho Trung tâm;

+ Các trường hợp để tránh gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý do người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý quyết định.

- Thời hạn bổ sung giấy tờ, tài liệu chứng minh là người được trợ giúp pháp lý:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi vụ việc trợ giúp pháp lý được thụ lý, người yêu cầu trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cung cấp, bổ sung các giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý.

+ Trường hợp người được trợ giúp pháp lý cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc trường hợp bất khả kháng thì thời hạn bổ sung giấy tờ, tài liệu là 10 ngày làm việc, kể từ khi vụ việc trợ giúp pháp lý được thụ lý.

- Trường hợp người yêu cầu trợ giúp pháp lý không cung cấp giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý trong thời hạn quy định thì vụ việc trợ giúp pháp lý không được tiếp tục thực hiện. Việc không tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý được tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người được trợ giúp pháp lý.

Việc cử người tham gia tố tụng phải được lập thành văn bản và gửi cho người được trợ giúp pháp lý, cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan.

b) Hình thức tư vấn pháp luật

Điều 32 Luật trợ giúp pháp lý quy định:

Trong hoạt động trợ giúp pháp lý, hình thức tư vấn pháp luật do người thực hiện trợ giúp pháp lý tư vấn pháp luật cho người được trợ giúp pháp lý bằng việc hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến tranh chấp, khiếu nại, vướng mắc pháp luật; hướng dẫn giúp các bên hòa giải, thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thụ lý vụ việc hoặc nhận đủ các giấy tờ, tài liệu cần bổ sung, người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm nghiên cứu và trả lời bằng văn bản cho người được trợ giúp pháp lý; đối với vụ việc phức tạp hoặc cần có thời gian để xác minh thì có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người được trợ giúp pháp lý.

Trường hợp yêu cầu trợ giúp pháp lý là vướng mắc pháp luật đơn giản thì người tiếp nhận hướng dẫn, giải đáp, cung cấp thông tin pháp luật ngay cho người được trợ giúp pháp lý, không lập thành hồ sơ và được thống kê thành việc trợ giúp pháp lý trong Sổ thực hiện việc trợ giúp pháp lý.

c) Hình thức đại diện ngoài tố tụng

Điều 33 Luật trợ giúp pháp lý quy định:

Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý đại diện ngoài tố tụng cho người được trợ giúp pháp lý trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thời hạn: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cử người đại diện ngoài tố tụng cho người được trợ giúp pháp lý.

Việc cử người đại diện ngoài tố tụng phải được lập thành văn bản và gửi cho người được trợ giúp pháp lý.

**12. Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý**

Điều 19 Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý quy định như sau:

Tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật có đủ điều kiện đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật Trợ giúp pháp lý nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính, fax, hình thức điện tử 01 bộ hồ sơ đến Sở Tư pháp nơi đã cấp Giấy đăng ký hoạt động. Hồ sơ đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý bao gồm:

- Đơn đề nghị tham gia trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu TP-TRỢ GIÚP PHÁP LÝ-01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP);

- Danh sách luật sư, tư vấn viên pháp luật đủ điều kiện thực hiện trợ giúp pháp lý (Mẫu TP-TRỢ GIÚP PHÁP LÝ-02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP);

- Bản sao thẻ luật sư, thẻ tư vấn viên pháp luật.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ, Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, cấp Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu TP-TRỢ GIÚP PHÁP LÝ-03 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP) cho tổ chức đăng ký tham gia đủ điều kiện và thông báo cho Trung tâm để phối hợp thực hiện. Trường hợp từ chối phải thông báo rõ lý do bằng văn bản. Việc thực hiện trợ giúp pháp lý được bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý, Sở Tư pháp công bố danh sách tổ chức đăng ký tham gia, người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 10 và khoản 2 Điều 17 của Luật Trợ giúp pháp lý.

Trường hợp thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý phải có văn bản thông báo để Sở Tư pháp xem xét, cập nhật danh sách người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương và thông báo về Bộ Tư pháp.

Việc đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý không phải nộp lệ phí.

**13. Chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý**

Điều 22 Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý quy định như sau:

Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Trợ giúp pháp lý có trách nhiệm chuyển hồ sơ vụ việc chưa hoàn thành đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý được Sở Tư pháp chỉ định để tiếp tục thực hiện. Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý được thực hiện như sau:

- Trường hợp chấm dứt theo quy định tại điểm b và điểm đ khoản 2 Điều 16 của Luật Trợ giúp pháp lý thì tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính 01 bộ hồ sơ về Sở Tư pháp. Hồ sơ bao gồm: văn bản thông báo về việc chấm dứt thực hiện trợ giúp pháp lý, Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.

- Trường hợp chấm dứt theo quy định tại các điểm a, c và d khoản 2 Điều 16 của Luật Trợ giúp pháp lý thì tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý bị thu hồi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý. Việc thu hồi được thực hiện như sau:

+ Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày phát hiện tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, c và d khoản 2 Điều 16 của Luật Trợ giúp pháp lý, đơn vị được Sở Tư pháp giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý lập hồ sơ trình Giám đốc Sở Tư pháp quyết định thu hồi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý. Hồ sơ bao gồm: Dự thảo quyết định thu hồi của Giám đốc Sở Tư pháp; Biên bản xác định hoặc giấy tờ, tài liệu chứng minh tổ chức đăng ký trợ giúp pháp lý thuộc một trong những trường hợp quy định tại các điểm a, c và d khoản 2 Điều 16 của Luật Trợ giúp pháp lý;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Tư pháp ra quyết định thu hồi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu TP-TRỢ GIÚP PHÁP LÝ-06 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 Điều này hoặc thu hồi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Tư pháp công bố việc chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và thông báo về Bộ Tư pháp.

**14. Trách nhiệm thẩm định, đánh giá chất lượng, hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý**

Điều 33 Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định như sau:

- Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm tổ chức thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công. Việc thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý, đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý do người thực hiện trợ giúp pháp lý của tổ chức mình thực hiện nhằm có giải pháp bảo đảm và nâng cao chất lượng, hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý. Việc thẩm định chất lượng vụ việc trên cơ sở yêu cầu thực tiễn và các tiêu chí quy định tại Điều 16 Thông tư này. Việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công căn cứ vào tiêu chí hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Kết quả thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý và kết quả xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công được thể hiện bằng văn bản và lưu hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý.

- Sở Tư pháp có trách nhiệm quản lý và tổ chức đánh giá chất lượng vụ việc tham gia tố tụng, chất lượng vụ việc đại diện ngoài tố tụng, đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý trong phạm vi địa phương. Việc đánh giá chất lượng, hiệu quả vụ việc dựa trên một trong các căn cứ sau đây:

+ Theo chương trình, kế hoạch đánh giá chất lượng, hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý;

+ Vụ việc đã được tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thẩm định chất lượng, đánh giá hiệu quả bị phản ánh, kiến nghị với Sở Tư pháp vì cho rằng vụ việc trợ giúp pháp lý chưa bảo đảm chất lượng, hiệu quả;

+ Các vụ việc khác để phục vụ công tác quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý tại địa phương.

- Cục Trợ giúp pháp lý - Bộ Tư pháp có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện quản lý và tổ chức đánh giá chất lượng vụ việc tham gia tố tụng, vụ việc đại diện ngoài tố tụng, hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý trong phạm vi toàn quốc. Việc đánh giá chất lượng, hiệu quả vụ việc dựa trên một trong các căn cứ sau đây:

+ Theo chương trình, kế hoạch đánh giá chất lượng, hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý;

+ Qua hoạt động theo dõi, kiểm tra hoạt động thẩm định, đánh giá chất lượng, hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý của địa phương;

+ Các vụ việc khác để phục vụ công tác quản lý nhà nước và quản lý chuyên ngành về trợ giúp pháp lý.

**15. Thù lao, bồi dưỡng và chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý của người thực hiện trợ giúp pháp lý**

Điều 13 Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trợ giúp pháp lý quy định như sau:

- Khi thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng, luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm được hưởng thù lao theo buổi làm việc (1/2 ngày làm việc) là 0,38 mức lương cơ sở/01 buổi làm việc nhưng tối đa không quá 30 buổi làm việc/01 vụ việc hoặc theo hình thức khoán chi vụ việc với mức tối thiểu bằng 03 mức lương cơ sở/01 vụ việc và mức tối đa không quá 10 mức lương cơ sở/01 vụ việc (căn cứ vào tính chất phức tạp, yêu cầu tố tụng và nội dung của từng vụ việc cụ thể).

Khi áp dụng việc thanh toán thù lao theo buổi làm việc, thời gian nghiên cứu hồ sơ vụ việc, thời gian gặp gỡ, thời gian chuẩn bị các tài liệu, luận cứ bào chữa, bảo vệ và thời gian thực hiện các công việc hợp lý khác tối đa không quá số buổi trả để thực hiện các công việc này áp dụng theo khoán chi vụ việc.

- Khi thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức đại diện ngoài tố tụng, luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm được hưởng thù lao là 0,31 mức lương cơ sở/buổi làm việc nhưng tối đa không quá 20 buổi làm việc/01 vụ việc.

- Trợ giúp viên pháp lý khi thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng được hưởng mức bồi dưỡng bằng 40% mức thù lao áp dụng đối với luật sư quy định tại khoản 1 Điều này, được hưởng mức bồi dưỡng bằng 20% mức thù lao áp dụng đối với luật sư khi thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức đại diện ngoài tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

- Khi thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức tư vấn pháp luật theo phân công của Lãnh đạo Trung tâm, luật sư, cộng tác viên trợ giúp pháp lý ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm được hưởng thù lao từ 0,08 - 0,15 mức lương cơ sở/01 văn bản tư vấn pháp luật tùy tính chất phức tạp và nội dung của vụ việc.

- Ngoài thù lao, bồi dưỡng vụ việc quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, khi thực hiện bằng hình thức tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng cần có thời gian thu thập chứng cứ hoặc xác minh làm rõ vụ việc, người thực hiện trợ giúp pháp lý còn được thanh toán chi phí phát sinh thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý như sau:

+ Các khoản phí phải nộp theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và các chi phí hành chính khác phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện trợ giúp pháp lý;

+ Căn cứ để xác định chi phí hợp lý là biên lai thu phí, lệ phí, hóa đơn tài chính hoặc giấy biên nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tài chính.

+ Trong trường hợp đi công tác phục vụ giải quyết vụ việc trợ giúp pháp lý thì người thực hiện trợ giúp pháp lý được thanh toán theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí như đối với cán bộ, công chức, viên chức đi công tác.

- Tính chất, nội dung vụ việc, cách tính buổi, thời gian để làm căn cứ chi trả thù lao thực hiện vụ việc cho người thực hiện trợ giúp pháp lý theo buổi làm việc thực tế hoặc khoán chi vụ việc thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

**16. Thủ tục đề nghị thanh toán thù lao, bồi dưỡng và chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý**

Điều 15 Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trợ giúp pháp lý quy định như sau:

- Đối với hình thức thanh toán theo buổi làm việc, người thực hiện trợ giúp pháp lý gửi Trung tâm hoặc Chi nhánh các loại giấy tờ sau:

+ Bảng kê thời gian thực tế đã thực hiện theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành có xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi người thực hiện trợ giúp pháp lý đến làm việc hoặc gặp gỡ;

+ Bảng kê chi phí thực hiện trợ giúp pháp lý kèm theo hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định hiện hành về tài chính.

- Đối với hình thức thanh toán theo khoán chi vụ việc, người thực hiện trợ giúp pháp lý gửi Trung tâm hoặc Chi nhánh các loại giấy tờ sau:

+ Bảng kê công việc đã thực hiện theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành có xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi người thực hiện trợ giúp pháp lý đến làm việc hoặc gặp gỡ;

+ Bảng kê chi phí thực hiện trợ giúp pháp lý kèm theo hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định hiện hành về tài chính.

- Đối với đề nghị thanh toán vụ việc tư vấn pháp luật, luật sư, cộng tác viên trợ giúp pháp lý gửi Trung tâm hoặc Chi nhánh văn bản tư vấn pháp luật.

- Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý khi đề nghị thanh toán vụ việc trợ giúp pháp lý theo buổi làm việc hoặc theo khoán chi vụ việc gửi Sở Tư pháp tỉnh, thành phố nơi ký hợp đồng các giấy tờ sau:

+ Các giấy tờ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 15;

+ Văn bản đề nghị thanh toán.

- Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý khi đề nghị thanh toán vụ việc tư vấn pháp luật gửi Sở Tư pháp tỉnh, thành phố nơi ký hợp đồng các giấy tờ sau:

+ Văn bản tư vấn pháp luật;

+ Văn bản đề nghị thanh toán.

**17. Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý**

Điều 16 Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trợ giúp pháp lý quy định như sau:

- Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Trợ giúp pháp lý, nếu có nguyện vọng làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý (sau đây gọi chung là cộng tác viên) và nhất trí với các nội dung cơ bản của hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp thì gửi 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm ở địa phương nơi mình cư trú.

Hồ sơ đề nghị làm cộng tác viên bao gồm: Đơn đề nghị làm cộng tác viên theo mẫu; Giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu theo quy định; Sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú và 02 ảnh màu chân dung cỡ 2 cm x 3 cm.

- Việc nộp hồ sơ đề nghị làm cộng tác viên được thực hiện như sau:

+ Trường hợp nộp trực tiếp tại trụ sở Trung tâm, người đề nghị làm cộng tác viên nộp các giấy tờ quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này; xuất trình bản chính hoặc nộp bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu theo quy định;

+ Trường hợp gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, người đề nghị làm cộng tác viên gửi các giấy tờ quy định tại điểm a, và điểm c khoản 1 Điều này, bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu theo quy định;

+ Trường hợp gửi qua fax, hình thức điện tử, người đề nghị làm cộng tác viên gửi các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này đến Trung tâm.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, căn cứ vào nhu cầu trợ giúp pháp lý của người dân và điều kiện thực tế tại địa phương, Giám đốc Trung tâm lựa chọn hồ sơ trình Giám đốc Sở Tư pháp xem xét cấp thẻ cộng tác viên. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại hồ sơ cho người đề nghị làm cộng tác viên và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ do Giám đốc Trung tâm trình, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, quyết định cấp thẻ cộng tác viên theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành. Bộ Tư pháp cấp phôi thẻ cộng tác viên.

Trường hợp từ chối phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho người đề nghị làm cộng tác viên. Người bị từ chối có quyền khiếu nại đối với việc từ chối cấp thẻ cộng tác viên. Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

**II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**1. Tình hình triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về trợ giúp pháp lý**

Luật trợ giúp pháp lý 2017 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018), Sở Tư pháp chủ động rà soát các Văn bản quy pháp pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các Văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm phù hợp với Luật trợ giúp pháp lý 2017; phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý rà soát các tổ thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý theo Luật trợ giúp pháp lý 2006 để đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh một số giải pháp nhằm củng cố, kiện toàn các tổ thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý đảm bảo theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý mới năm 2017; rà soát, thống kê người thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh; thực hiện các thủ tục lựa chọn và đã ký kết hợp đồng với 04 tổ chức hành nghề luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý cho các đối tượng được trợ giúp pháp lý quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, ngoài ra hàng năm Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện ký kết hợp đồng, cử luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý cho các đối tượng được trợ giúp.

Thực hiện truyền thông về tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý, quyền được trợ giúp pháp lý và các quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, như: Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam, Luật trợ giúp pháp lý năm trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, đài phát thanh, truyền hình; Cấp phát miễn phí các Mẫu đơn đề nghị Trợ giúp pháp lý, tờ gấp pháp luật; Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước với các hoạt động tuyền thông pháp luật về cơ sở, vùng sâu, vùng xa thông qua các đợt trợ giúp pháp lý lưu động.

Trung tâm Trợ giúp pháp lý đã tổ chức tập huấn chuyên sâu về những quy định mới của pháp luật liên quan đến công tác trợ giúp pháp lý cho các Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm, luật sư tham gia trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn viên pháp luật của các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý.

Ngay sau khi Bộ Tư pháp triển khai hệ thống quản lý trợ giúp pháp lý, Sở Tư pháp chỉ đạo Trung tâm Trợ giúp pháp lý cập nhật đầy đủ thông tin về tổ chức, chi nhánh, thông tin về công chức, viên chức, người lao động tại Trung tâm và người thực hiện trợ giúp pháp lý.

Triển khai thực hiện Thông tư 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 về hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý đã thực hiện thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý, thẩm định tính hợp lý về mặt thời gian để thanh toán thù lao cho Trợ giúp viên pháp lý chuyển Sở Tư pháp đánh giá chất lượng vụ việc hàng năm và báo cáo kết quả đánh giá.

Triển khai thực hiện các Kế hoạch của Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý về công tác phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng trên địa bàn tỉnh; trợ giúp người khuyết tật; triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**2. Kết quả thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý**

a) Kết quả thực hiện Trợ giúp pháp lý tại địa phương

Số lượng vụ việc qua 04 năm triển khai thực hiện Luật trợ giúp pháp lý cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số lượt người được trợ giúp pháp lý** | **Số vụ việc trợ giúp pháp lý** | **Số lượng Trợ giúp viên** |
| 2018 |  | 153 | 18 |
| 2019 | 134 | 205 | 18 |
| 2020 | 255 | 343 | 17 |
| 2021 | 343 | 470 | 18 |

Đến 31/10/2021, Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh đã thụ lý và đang thực hiện được 470 vụ việc. Số vụ việc năm 2021 tăng 37% so với năm 2020, tăng 129% so với năm 2019, tăng 207% so với năm 2018. Như vậy, với số lượng Trợ giúp viên pháp lý không đổi, số vụ việc mỗi năm tăng cao, cho thấy số vụ việc của mỗi Trợ giúp viên ngày càng tăng, vượt mức chỉ tiêu được phân công. Bên cạnh đó, chất lượng lượng tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý thực hiện trợ giúp pháp ngày càng có chất lượng, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp cho các đối tượng được trợ giúp pháp lý. Trung tâm Trợ giúp pháp lý đã thực hiện truyền thông về trợ giúp pháp lý kết hợp tuyên truyền một số nội dung liên quan mật thiết đến quyền và nghĩa vụ của công dân nói chung và người được trợ giúp pháp lý nói riêng qua đó nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xã hội về quyền được trợ giúp pháp lý và ý nghĩa của công tác này.

Trung tâm trợ giúp pháp lý đã bố trí phòng tiếp dân, thiết lập đường dây nóng nhằm kịp thời thực hiện trợ giúp pháp lý cho người thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý.

b) Kết quả đánh giá chất lượng vụ việc

Thực hiện Thông tư 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 về hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý, trong năm 2019, Trung tâm trợ giúp pháp lý đã thực hiện thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý, thẩm định tính hợp lý về mặt thời gian để thanh toán thù lao cho Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư ký hợp đồng. Sở Tư pháp thực hiện đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý đạt kết quả như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số vụ việc được đánh giá** | **Đạt chất lượng tốt** | | **Đạt chất lượng khá** | |
| **Số hồ sơ** | **Tỷ lệ** | **Số hồ sơ** | **Tỷ lệ** |
| 2019 | 21 | 20 | 95,2% | 01 | 4,8% |
| 2020 | 70 | 66 | 94,3% | 04 | 5,7% |
| 2021 | 87 | 86 | 98,8% | 01 | 1,2% |

Năm 2019, Sở Tư pháp thực hiện đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý 21/153 hồ sơ vụ việc của năm 2018 (đạt 14% vụ việc được trợ giúp); năm 2020 đánh giá 70/205 hồ sơ của năm 2019 (đạt 34% vụ việc được trợ giúp); năm 2021 đánh giá 87/343 hồ sơ của năm 2020 (đạt 25% vụ việc được trợ giúp). Tất cả hồ sơ vụ việc được đánh giá đều đã thực hiện việc lập danh mục tài liệu có trong hồ sơ, thu thập các giấy tờ, tài liệu liên quan đến vụ việc theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 12/2018/TT-BTP và đáp ứng các tiêu chí đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 12/2018/TT-BTP.

Đối với các hồ sơ vụ việc tham gia tố tụng dân sự, người thực hiện trợ giúp pháp lý đã thu thập các tài liệu liên quan đến người được trợ giúp pháp lý trên cơ sở gặp đỡ, tiếp xúc với người đại diện theo pháp luật là cha hoặc mẹ người được trợ giúp pháp lý, người thân đang chăm sóc, nuôi dưỡng người được trợ giúp pháp lý và người được trợ giúp pháp lý để kịp thời tìm hiểu hoàn cảnh, nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của người được trợ giúp pháp lý liên quan đến việc ly hôn của cha mẹ. Luận cứ thể hiện người thực hiện trợ giúp pháp lý đã nghiên cứu các quy định pháp luật có liên quan để bảo đảm nội dung trợ giúp pháp lý, xem xét nguyện vọng của người được trợ giúp pháp lý trên cơ sở đối chiếu đến khả năng tài chính, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo môi trường phát triển toàn diện cho người được trợ giúp pháp lý sau khi bố mẹ ly hôn; tham gia các hoạt động tố tụng theo quy định pháp luật về tố tụng dân sự, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý đã phân tích, vận động để cha mẹ của người được trợ giúp pháp lý rút đơn xin ly hôn, bỏ qua mâu thuẫn, để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Đối với hồ sơ vụ việc tham gia tố tụng hình sự, người thực hiện trợ giúp pháp lý đã tuân thủ các quy định của pháp luật về tố tụng và các quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người thực hiện trợ giúp pháp lý; tuân thủ nguyên tắc và các quy định khác về trợ giúp pháp lý, không vi phạm các điều cấm quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật trợ giúp pháp lý năm 2017. Các hồ sơ thể hiện, sau khi được phân công, người thực hiện trợ giúp pháp lý đã thực hiện thủ tục đăng ký bào chữa, gặp gỡ người được trợ giúp pháp lý; đã bảo đảm về thời hạn, thời hiệu theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý đã chủ động, kịp thời nắm bắt quá trình giải quyết vụ việc và các thông tin liên quan; liên hệ chặt chẽ với người được trợ giúp pháp lý và thân nhân của người được trợ giúp pháp lý để tìm hiểu sự thật khách quan các tình tiết vụ việc; chủ động tham gia tích cực, đầy đủ các hoạt động tố tụng để kịp thời có giải pháp bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý. Vụ việc trợ giúp pháp lý được thực hiện trên cơ sở thu thập, phân tích và đánh giá các thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ việc và người được trợ giúp pháp lý. Luận cứ khách quan, rõ ràng, có căn cứ pháp luật, đưa ra được quan điểm bào chữa hoặc quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý trên cơ sở phân tích quá trình phạm tội, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng. Quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý được thể hiện tương đối đầy đủ trong hồ sơ .

Kết thúc vụ việc trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý đã thực hiện lấy ý kiến đối với người được trợ giúp pháp lý hoặc người thân thích theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 12/2018/TT-BTP. Các hồ sơ đều có Phiếu lấy ý kiến đối với người được trợ giúp pháp lý hoặc người thân thích của người được trợ giúp pháp lý.

Kết quả đánh gia chất lượng vụ việc qua các năm cho thấy chất lượng trợ giúp viên pháp lý thực hiện vụ việc ngày càng được nâng cao, đảm bảo các đối tượng được trợ giúp pháp lý được hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý kịp thời, chủ động tham gia tích cực, đầy đủ các hoạt động tố tụng để kịp thời có giải pháp bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý. Về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực tố tụng hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình; việc chi ngân sách nhà nước hiệu quả.

**3. Kết quả phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý thông qua hình thức tham gia tố tụng**

Để triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC của Bộ Tư pháp - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính - Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng (sau đây viết tắc Thông tư liên tịch số 10) thay thế Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/7/2013 hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng tỉnh (sau đây viết tắt là Hội đồng) đã ban hành Kế hoạch số 252/KH-HĐPH ngày 28/02/2019 với mục tiêu nâng cao trách nhiệm của các thành viên Hội đồng, xác định nội dung công việc, nhiệm vụ của từng cơ quan, thời gian thực hiện và giải pháp cụ thể. Trên cơ sở đó, các ngành thành viên của Hội đồng đã có sự phối hợp triển khai công việc hiệu quả.

Lãnh đạo các cơ quan thành viên của Hội đồng đã có sự quan tâm, tích cực chỉ đạo các tổ chức, cá nhân của ngành mình trong việc triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 10 và tạo điều kiện cho các tổ chức và người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

Sở Tư pháp - Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng tỉnh thường xuyên rà soát danh sách thành viên của Hội đồng, Tổ giúp việc cho Hội đồng để kịp thời tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn Hội đồng cũng như chủ động kiện toàn Tổ giúp việc cho Hội đồng đối với những trường hợp chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

Hàng năm, Sở Tư pháp tham mưu Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý ban hành Kế hoạch triển khai công tác phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch trợ giúp người khuyết tật tỉnh Thừa Thiên Huế, Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành công tác phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng tại một số huyện.

Công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý luôn được chú trọng, thực hiện bằng nhiều hình thức: tờ rơi, tờ gấp, tổ chức lưu động, lồng ghép tư vấn, hướng dẫn pháp luật...để nâng cao nhận thức của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người dân và người được trợ giúp pháp lý. Tổ chức tập huấn chuyên sâu về những quy định mới của pháp luật liên quan đến công tác trợ giúp pháp lý cho các Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm, luật sư tham gia trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn viên pháp luật của các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý.

Công tác phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã có những chuyển biến tích cực, nhận thức về vị trí, vai trò của công tác trợ giúp pháp lý nói chung cũng như trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng nói riêng từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đã được nâng lên rõ rệt, đã tạo được cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan nhằm thực hiện đúng và thống nhất các quy định của pháp luật, góp phần nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, cụ thể:

- Nhận thức của người dân về quyền được trợ giúp pháp lý nói chung và trợ giúp pháp lý trong tố tụng nói riêng ngày một nâng cao. Do đó, đối tượng hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý thông qua hình thức tham gia tố tụng ngày đa dạng hơn (người nghèo, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, trẻ em,...).

- Sự tham gia trợ giúp pháp lý của Trợ giúp viên pháp lý và Luật sư đã góp phần nâng cao chất lượng điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự cũng như góp phần giúp người tiến hành tố tụng tuân thủ hơn các quy định của pháp luật về tố tụng trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, dân sự, hành chính.

- Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng ở địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho những người thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện nhiệm vụ của mình; vai trò, vị trí của người thực hiện trợ giúp pháp lý trong tố tụng, nhất là Trợ giúp viên pháp lý từng bước được khẳng định, không chỉ giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý mà còn hỗ trợ các cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng tìm ra sự thật khách quan của vụ án, xét xử, quyết định đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế sự oan, sai, vi phạm pháp luật trong tố tụng góp phần mang lại những tác động tích cực đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp ở địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý thông qua hình thức tham gia tố tụng còn một số khó khăn, tồn tại:

- Số lượng người được trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng còn ít so với tổng số đối tượng trong các vụ án mà cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thụ lý giải quyết và chủ yếu vẫn tập trung vào các vụ án hình sự là chính, đương sự trong các vụ, việc dân sự, vụ án hành chính và đối tượng là trẻ em trong các vụ án hôn nhân và gia đình vẫn còn khiêm tốn. Vì vậy, vẫn còn tình trạng bỏ sót người được trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

- Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng chưa thực hiện việc lưu biên bản giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý của người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ án hình sự tại hồ sơ vụ án.

- Các ngành thành viên của Hội đồng chưa quan tâm đến việc báo cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Thông tư liên tịch số 10. Chế độ thống kê, báo cáo của các ngành thành viên không thống nhất (mỗi ngành có chế độ thống kê, báo cáo theo quy định riêng, ví dụ: ngành Toà án là 30/11, ngành Tư pháp là 31/10,...).

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng trên địa bàn tỉnh cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phát huy hơn nữa vai trò trách nhiệm của các thành viên của Hội đồng liên ngành là các cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Công an trong việc chỉ đạo, quát triệt hơn nữa các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các cơ sở giam giữ thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình về phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng theo quy định Thông tư liên tịch số 10.

- Tăng cường công tác truyền thông pháp luật về trợ giúp pháp lý theo nhiều hình thức phong phú và đa dạng, phù hợp với điều kiện của từng khu dân cư, từng đối tượng đặc thù.

- Tổ chức các Hội thảo, Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao kỹ năng tham gia tố tụng cho các Trợ giúp viên pháp lý và Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm của các cơ quan, người tiến hành tố tụng theo quy định của Thông tư liên tịch số 10 ở các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cấp huyện.